TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **238**/2023/DS-ST
Ngày 24 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 334/2023/TLST-DS ngày 04/5/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2023/QĐXXST-DS ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thùy L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T. Tên gọi khác: Trần Trung D.

Bà Nguyễn Thị P.

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2023 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào năm 2015 nguyên đơn bán cho bị đơn nhiều mặt hàng thức ăn thủy sản. Việc mua bán nguyên đơn cho bị đơn nợ một phần đến vụ mùa thu hoạch cá thì bị đơn thanh toán nợ cho nguyên đơn. Quá trình mua bán thức ăn đến năm 2017 thì bị đơn còn nợ lại nguyên đơn tổng số tiền 81.124.000 đồng (Bị đơn có ký xác nhận vào giấy xác nhận công nợ bán hàng ngày 25/8/2017). Sau thời điểm xác nhận nợ thì bị đơn có trả được 8.000.000 đồng, còn lại số tiền 73.124.000 đồng nguyên đơn đã yêu cầu và nhắc nhở bị đơn thanh toán nhiều lần, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 73.124.000 đồng.

- Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến; đồng thời bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn không thanh toán tiền thức ăn thủy sản thông qua việc mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại khoản nợ chưa thanh toán và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại *"Giấy xác nhận công nợ bán hàng ngày 25/8/20217"* thể hiện có nội dung nguyên đơn là bên bán hàng, bị đơn là bên mua, giữa 02 bên đối chiếu công nợ đến ngày 25/8/2017 số tiền là 81.124.000 đồng, thời hạn thanh toán là tháng 12/2017, bên dưới cụm từ "Đại diện biên mua" có chữ ký tên và ghi rõ họ tên của bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được thể hiện tại các văn bản tố tụng được tống đạt, nhưng bị đơn không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Như vậy, có căn cứ xác định thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản với nhau; nguyên đơn là bên bán, bị đơn là bên mua; quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã cung ứng đầy đủ sản phẩm theo yêu cầu của bị đơn và hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 73.124.000 đồng chưa thanh toán.

[4.3] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ theo thỏa thuận giữa các bên, đồng thời nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng xác lập,

nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn là đúng.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 73.124.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về án P:* Bị đơn phải chịu án P sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P và lệ P Tòa án. Số tiền tạm ứng án P của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy L.

Buộc bị đơn ông Trần Văn T (Tên gọi khác: Trần Trung D) và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thùy L số tiền 73.124.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án P sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn ông Trần Văn T (Tên gọi khác: Trần Trung D) và bà Nguyễn Thị P nộp là 3.656.200 đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thùy L đã dự nộp tiền tạm ứng án P trước với số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0006669 ngày 04/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải